# Chi tiết mã HS 6907.23

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 6907.23 |
| **Mô tả hàng hóa** | Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường bằng gốm, sứ; các khối khảm và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ, có hoặc không có lớp nền; các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện / - Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường trừ loại thuộc phân nhóm 6907.30 và 6907.40: / - - Của loại có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 08/11/2026 09:52:36 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://vietnamtariff.com/hs-code/690723/ |

## 8 dòng thuế thuộc 6907.23

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 6907.23.11 | Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường bằng gốm, sứ; các khối khảm và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ, có hoặc không có lớp nền; các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện / - Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường trừ loại thuộc phân nhóm 6907.30 và 6907.40: / - - Của loại có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng: / - - - Có mặt lớn nhất có thể nằm gọn trong một hình vuông có cạnh dưới 7 cm: / - - - - Gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường, không tráng men | m2 | 67,5% | 45% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 6907.23.12 | Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường bằng gốm, sứ; các khối khảm và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ, có hoặc không có lớp nền; các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện / - Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường trừ loại thuộc phân nhóm 6907.30 và 6907.40: / - - Của loại có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng: / - - - Có mặt lớn nhất có thể nằm gọn trong một hình vuông có cạnh dưới 7 cm: / - - - - Loại khác, không tráng men | m2 | 67,5% | 45% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 6907.23.13 | Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường bằng gốm, sứ; các khối khảm và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ, có hoặc không có lớp nền; các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện / - Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường trừ loại thuộc phân nhóm 6907.30 và 6907.40: / - - Của loại có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng: / - - - Có mặt lớn nhất có thể nằm gọn trong một hình vuông có cạnh dưới 7 cm: / - - - - Gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường, đã tráng men | m2 | 67,5% | 45% | 8 / 10 (nhiều mức) |

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 6907.23.14 | Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường bằng gốm, sứ; các khối khảm và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ, có hoặc không có lớp nền; các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện / - Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường trừ loại thuộc phân nhóm 6907.30 và 6907.40: / - - Của loại có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng: / - - - Có mặt lớn nhất có thể nằm gọn trong một hình vuông có cạnh dưới 7 cm: / - - - - Loại khác, đã tráng men | m2 | 67,5% | 45% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 6907.23.91 | Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường bằng gốm, sứ; các khối khảm và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ, có hoặc không có lớp nền; các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện / - Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường trừ loại thuộc phân nhóm 6907.30 và 6907.40: / - - Của loại có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng: / - - - Loại khác: / - - - - Gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường, không tráng men | m2 | 52,5% | 35% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 6907.23.92 | Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường bằng gốm, sứ; các khối khảm và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ, có hoặc không có lớp nền; các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện / - Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường trừ loại thuộc phân nhóm 6907.30 và 6907.40: / - - Của loại có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác, không tráng men | m2 | 52,5% | 35% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 6907.23.93 | Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường bằng gốm, sứ; các khối khảm và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ, có hoặc không có lớp nền; các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện / - Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường trừ loại thuộc phân nhóm 6907.30 và 6907.40: / - - Của loại có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng: / - - - Loại khác: / - - - - Gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường, đã tráng men | m2 | 52,5% | 35% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 6907.23.94 | Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường bằng gốm, sứ; các khối khảm và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ, có hoặc không có lớp nền; các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện / - Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường trừ loại thuộc phân nhóm 6907.30 và 6907.40: / - - Của loại có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác, đã tráng men | m2 | 52,5% | 35% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.